TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Mai Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Thúy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2018 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm xxx;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, khu 5, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh;

Chỗ ở: Thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bàng Văn C, sinh năm yyy;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 2, khu 5, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 03 tháng 3 năm 2018, bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G khai:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Chị G và anh Bàng Văn C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, theo

giấy chứng nhận kết hôn số: 132/2014, quyển số 01/2014. Trước khi kết hôn chị G và anh C có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm, chị G đã kết hôn nhưng chồng của chị đã chết vào năm 2001, còn anh C kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn, chị G cùng anh C chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C sử dụng chất ma túy, nhiều lần chị G và gia đình khuyên ngăn nhưng anh C không từ bỏ được mà liều lượng sử dụng chất ma túy ngày càng tăng. Từ tháng 11/2017 đến nay chị và anh C sống ly thân, chị G về cư trú tại thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vợ chồng mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Đến nay chị G xác định không muốn cùng anh C đoàn tụ vợ chồng; mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả giải quyết cho chị G được ly hôn với anh Bàng Văn C.

Tại văn bản ghi ý kiến của bị đơn là anh Bàng Văn C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 09 tháng 5 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2018, anh C thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung:

Chị Nguyễn Thị G khai vợ chồng có 01 con chung, họ tên là Bàng Thảo V, sinh ngày zzz. Khi ly hôn, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Bàng Văn C công nhận vợ chồng có 01 con chung như chị G đã khai và đồng ý giao cho chị G được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Bàng Văn C phải cấp dưỡng cho con Bàng Thảo V.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C khai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C khai vợ chồng không có quyền, nghĩa vụ chung về tài sản đối với người thứ ba và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thụ lý vụ án đúng trình tự, thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thu thập chứng

cứ đảm bảo đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc giao các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng hạn luật định.

- Hội đồng xét xử thực hiện chức năng, nhiệm vụ đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, có mặt đầy đủ.

- Thư ký thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng đúng các quy định pháp luật giải quyết vụ án. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa; căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:**

Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G cư trú tại thôn Đ, xã X, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bị đơn là anh Bàng Văn C cư trú tại tổ 2, khu 5, phường M, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn là anh Bàng Văn C đã được Tòa án triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:**

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh C ham chơi, nghiện chất ma túy dẫn đến vợ chồng va chạm mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ hôn nhân. Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng chị G, anh C đã dẫn tới tình trạng trầm trọng, từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay chị G và anh C đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị G, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị G xin ly hôn và anh C cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy việc thuận tình ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C có 01 con chung, họ tên là Bàng Thảo V, sinh ngày zzz. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi thành niên, anh C cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Bàng Văn C phải cấp dưỡng cho con Bàng Thảo V, anh C cũng đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với anh C.

Xét thấy sự thoả thuận về con chung là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C đều thừa nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị G và anh Bàng Văn C đều thừa nhận không có quyền, nghĩa vụ về tài sản đối với người thứ ba và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G, anh Bàng Văn C có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị G. Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Bàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bàng Thảo V, sinh ngày zzz cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bàng Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Bàng Thảo V;

Anh Bàng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai số 0009978 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bàng Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tp.Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS tp.Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- UBND phường Mông Dương, tp.Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Mai Anh